BÁO BÀI - LỚP 10A – KHTN - ISP04

Class Assignment Report - Grade 10A

(Tuần/week: 1 Từ ngày/From 18/08/2025 đến ngày/To 22/08/2025)

GVCN/ Homeroom Teacher: Tô Minh Phương

Thứ - Ngày *Day - Date*	Tiết *Period*	Môn *Subject*	Nội dung học tập *Lesson Details*	Dặn dò *Preparation Notes*
Thứ Hai *Monday* (18/08/25)	1	SHCN	*Tựu trường*	HS chuẩn bị đồ dùng năm học mới
	2	GDTC	*Tựu trường*	
	3	GDTC	*Tựu trường*	
	4	English	***E10:*** *Tiết 1-2: Unit 1: Reading: SB p.7 - HW: WB p.5*	
	5	English	***IELTS 1:*** *Tiết 1-2: Greetings, set the rules. Unit 1: Daily Life Overview*	
	6	Lịch sử	*Tiết 1: Làm quen - Giới thiệu môn học*	Chuẩn bị đồ dùng học tập: Bút, vở, SGK
	7	Lịch sử	*Tiết 2: Tổ chức trò chơi vận động, ôn tập*	Chuẩn bị đồ dùng học tập: Bút, vở, SGK
	8	Sinh học	*Làm quen, giới thiệu môn học*	Chuẩn bị đồ dùng học tập (bút, vở, sách,...)
	9	Sinh học	*Làm quen, giới thiệu môn học*	Chuẩn bị đồ dùng học tập (bút, vở, sách,...)
Thứ Ba *Tuesday* (19/08/25)	1	Ngữ Văn	*Làm quen - Giới thiệu môn học - Ôn tập*	Chuẩn bị đồ dùng học tập: Bút, vở, SGK
	2	Hướng nghiệp	*Tiết 1: Làm quen – Giới thiệu môn học, hỗ trợ chuyển cấp*	Sách, vở, dụng cụ học tập
	3	English (Expat)	***E10:*** *Tiết 1-2: Greetings, set the rules. Unit 1: Vocabulary: SB p.6 + WB p.4*	
	4	English (Expat)	***IELTS 1:*** *Tiết 1-2: Unit 1: Vocabulary & Speaking #1-4 p.10-11*	
	5	Toán	*Làm quen - Giới thiệu môn học - Ôn tập*	Chuẩn bị đồ dùng học tập (bút, vở, sách,...)
	6	Tin học - CN-KT	*Tiết 1, 2: Làm quen với môn CN-KT*	Học tại phòng ICT
	7	Tin học - CN-KT	*Tiết 1, 2: Làm quen với môn CN-KT*	Học tại phòng ICT
	8	Đại sứ		
	9	Đại sứ		

Thứ Tư ***Wednesday*** **(20/08/25)**	**1**	**Vật lý**	*Làm quen, giới thiệu môn học. Ôn tập đầu năm*	Sách, vở, dụng cụ học tập, TBĐT
	2	**Sinh học**	*Làm quen, giới thiệu môn học*	Sách, vở, dụng cụ học tập, TBĐT
	3	**Toán**	*Làm quen - Giới thiệu môn học - Ôn tập*	
	4	**Toán**	*Làm quen - Giới thiệu môn học - Ôn tập*	
	5	**English (Expat)**	***E10:*** *Unit 1: Vocabulary & Listening: SB p.9 + P.12 (HW: WB p.7)* ***IELTS 1:*** *Unit 1_Grammar & Speaking #7-9 p.13*	
	6	**English**	***E10:*** *Unit 1: Grammar: SB p.8-9 & WBp.6*	
	7	**English**	***IELTS 1:*** *Unit 1_Reading #5,6,10,12 p.12-14*	
	8	**Ngữ Văn**	*Làm quen - Giới thiệu môn học - Ôn tập*	Chuẩn bị đồ dùng học tập: Bút, vở, SGK
	9	**Ngữ Văn**	*Làm quen - Giới thiệu môn học - Ôn tập*	Chuẩn bị đồ dùng học tập: Bút, vở, SGK
Thứ Năm ***Thursday*** **(21/08/25)**	**1**	**English**	***E10:*** *Unit 1: Grammar: SB p.8-9 & WBp.6 (cont.)*	Chuẩn bị đồ dùng học tập (bút, vở, sách,...)
	2	**English**	***IELTS 1:*** *Khan grammar: Unit 1 Lesson 1*	Chuẩn bị đồ dùng học tập (bút, vở, sách,...)
	3	**Toán**	*Bài 1: Mệnh đề*	Chuẩn bị đồ dùng học tập (bút, vở, sách,...)
	4	**Toán**	*Bài 1: Mệnh đề*	
	5	**Vật lý**	*Làm quen, giới thiệu môn học. Ôn tập đầu năm*	
	6	**Vật lý**	*Làm quen, giới thiệu môn học. Ôn tập đầu năm*	
	7	**English (Expat)**	***E10:*** *Reading & Language art G8: Introduction & Unit 1_Lesson 1*	
	8	**English (Expat)**	***IELTS 1:*** *Unit 1_Writing a description #13-14 p.15*	
	9	**Toán**	*Bài 1: Mệnh đề*	Sách, vở, dụng cụ học tập, TBĐT
Thứ Sáu ***Friday*** **(22/08/25)**	**1**	**Ngữ Văn**	*Làm quen - Giới thiệu môn học - Ôn tập*	Chuẩn bị đồ dùng học tập: Bút, vở, SGK
	2	**Ngữ Văn**	*Làm quen - Giới thiệu môn học - Ôn tập*	Chuẩn bị đồ dùng học tập: Bút, vở, SGK
	3	**GDĐP (STEAM PBL)**	*HS tự học*	
	4	**GDĐP (STEAM PBL)**	*HS tự học*	

	5	**English (Expat)**	***E10:*** *Reading & Language art G8: Introduction & Unit 1_Lesson 1* ***IELTS 1:*** *Unit 1_Writing a description #13-14 p.15*	
	6	**Hóa học**	*Làm quen - Giới thiệu môn học*	SGK, vở, bút
	7	**Hóa học**	*Làm quen - Giới thiệu môn học*	SGK, vở, bút
	8	**Hóa học**	*Làm quen - Giới thiệu môn học*	SGK, vở, bút
	9	**Tự học/ Ôn tập**	*HS tự học*	